

東南科技大學 115 學年度第 1 學期新南向產學合作國際專班學生須知
Notice of New Southbound International Students Industry-Academia
Collaboration Program Fall 2026 Tungnan University
Những điều sinh viên lớp chuyên ban vừa học vừa làm Tân Hướng Nam
trường Đại học Khoa Học Công Nghệ Đông Nam
kỳ mùa thu năm 2026 cần phải biết

項次. No. STT.	項目 Item Hạng Mục	說明 Detail Nội Dung															
	◆ 招生科系 Admissions Khoa ngành tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> ● 室內設計系室內裝修學程 Department of Interior Design Interior Decoration Program Khoa Thiết kế nội thất Chương trình trang trí nội thất ● 休閒事業管理系旅館管理學程 Department of Leisure and Recreation Management Hotel Management Program Khoa Quản lý Nghỉ dưỡng Chương trình Quản lý Khách sạn 															
2	◆ 學生應繳費用 Tuition Miscellaneous and other fees Các khoản phí phải nộp	<p>➤ 學雜費/ Tuition Miscellaneous fees/ Học Phí</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">科系 Department Khoa ngành</th> <th style="text-align: center;">學雜費/期 Tuition Miscellaneous fees / Semester Học Phí / kỳ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>室內設計系室內裝修學程 Department of Interior Design Interior Decoration Program Khoa Thiết kế nội thất Chương trình trang trí nội thất</td> <td style="text-align: center;">NT\$51,343</td> </tr> <tr> <td>休閒事業管理系旅館管理學程 Department of Leisure and Recreation Management Hotel Management Program Khoa Quản lý Nghỉ dưỡng Chương trình Quản lý Khách sạn</td> <td style="text-align: center;">NT\$44,710</td> </tr> </tbody> </table> <p>其他費用/ Other fees/ Phí khác:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">項目/ Item/ Hạng mục</th> <th style="text-align: center;">費用/Expenses/ Phí</th> <th style="text-align: center;">備註/Note/ Chú thích</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">平安保險費 Insurance Bảo hiểm Bình An</td> <td style="text-align: center;">NT\$ 820 /學期 (Semester/ kỳ)</td> <td>依簽約金調整 此為預估花費 Adjusted based on the contract signed with the insurance company It is approximate expenses.. Điều chỉnh dựa theo hợp đồng ký với công ty bảo hiểm Đây là chi phí ước tính</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">電腦及網路使用費 Computer and Internet Fees Phí phòng máy tính và</td> <td style="text-align: center;">NT\$1,050/學期 (Semester/ kỳ)</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	科系 Department Khoa ngành	學雜費/期 Tuition Miscellaneous fees / Semester Học Phí / kỳ	室內設計系室內裝修學程 Department of Interior Design Interior Decoration Program Khoa Thiết kế nội thất Chương trình trang trí nội thất	NT\$51,343	休閒事業管理系旅館管理學程 Department of Leisure and Recreation Management Hotel Management Program Khoa Quản lý Nghỉ dưỡng Chương trình Quản lý Khách sạn	NT\$44,710	項目/ Item/ Hạng mục	費用/Expenses/ Phí	備註/Note/ Chú thích	平安保險費 Insurance Bảo hiểm Bình An	NT\$ 820 /學期 (Semester/ kỳ)	依簽約金調整 此為預估花費 Adjusted based on the contract signed with the insurance company It is approximate expenses.. Điều chỉnh dựa theo hợp đồng ký với công ty bảo hiểm Đây là chi phí ước tính	電腦及網路使用費 Computer and Internet Fees Phí phòng máy tính và	NT\$1,050/學期 (Semester/ kỳ)	
科系 Department Khoa ngành	學雜費/期 Tuition Miscellaneous fees / Semester Học Phí / kỳ																
室內設計系室內裝修學程 Department of Interior Design Interior Decoration Program Khoa Thiết kế nội thất Chương trình trang trí nội thất	NT\$51,343																
休閒事業管理系旅館管理學程 Department of Leisure and Recreation Management Hotel Management Program Khoa Quản lý Nghỉ dưỡng Chương trình Quản lý Khách sạn	NT\$44,710																
項目/ Item/ Hạng mục	費用/Expenses/ Phí	備註/Note/ Chú thích															
平安保險費 Insurance Bảo hiểm Bình An	NT\$ 820 /學期 (Semester/ kỳ)	依簽約金調整 此為預估花費 Adjusted based on the contract signed with the insurance company It is approximate expenses.. Điều chỉnh dựa theo hợp đồng ký với công ty bảo hiểm Đây là chi phí ước tính															
電腦及網路使用費 Computer and Internet Fees Phí phòng máy tính và	NT\$1,050/學期 (Semester/ kỳ)																

		mạng		
		外僑居留證 Alien Resident Certificate(ARC) Thẻ cư trú (ARC)	NT\$1,000 /年(year/ năm)	
		工作許可證 Work Permit Phí xin thẻ đi làm	NT\$100 /次(per application / lần)	
		住宿費 Accommodation fees Phí ký túc xá	6 人房型(a 6-person room / Phòng 6 người) NT\$8,280 / 學期(Semester/ kỳ) 7 人以上房型(above 7-person room / Phòng 7 người trở lên) NT\$7,560 / 學 期(Semester/ kỳ)	
		寒暑假住宿費 During winter and summer vacations accommodation fees Chi phí ở vào kỳ nghỉ hè và nghỉ đông	6 人房型(a 6-person room / Phòng 6 người) NT\$460 / 週(Week/ Tuần) 7 人以上房型(above 7-person room / Phòng 7 người trở lên) NT\$420 / 週 (Week/ Tuần)	
		外國新生醫療保險 New International Students' Medical Insurance (NISMI) Bảo hiểm y tế cho sinh viên mới người nước ngoài	NT\$ 3,000 / 6 個月 (month/ tháng)	外國學生在臺第一學期需 加保 For the first semester of studying you must join this insurance. Là bảo hiểm dành cho sinh viên nước ngoài đến Đài Loan trong kỳ học đầu tiên bắt buộc phải tham gia
		全民健康保險 National Health Insurance(NHI) Bảo hiểm sức khỏe toàn dân (NHI)	NT\$ 4,956 / 6 個月 (month/ tháng) (sau kỳ học đầu tiên)	抵台滿 6 個月(第二學期) 必須加入此保險 After staying in Taiwan for six months (second semester), it is mandatory to join the National Health Insurance program. Nhập cảnh đủ 6 tháng (kỳ học thứ 2) bắt buộc phải tham gia
		校內健康檢查費 In School Physical Examination Fee Khám sức khỏe trong trường	NT\$ 800/次(visit/ lần)	此為預估花費 It is approximate expenses. Đây là chi phí ước tính
		書費 Book Expenses Tài liệu sách	依實際課程需要收取 depends Dựa theo thực tế	
		床墊組 Bed sets Bộ chăn gối đệm	NT\$2,600/組(Set/ bộ)	內含床墊，枕頭，棉被， 棉被套，枕頭套 content include : Mattress, pillows, quilts, quiltscases and pillowcases Bao gồm đệm đơn, gối, chăn, vỏ bọc chăn, vỏ bọc

		<table border="1" data-bbox="552 98 1482 432"> <tr> <td data-bbox="552 98 852 226"></td> <td data-bbox="852 98 1152 226"></td> <td data-bbox="1152 98 1482 226"> gói 此為預估花費 It is approximate expenses. Đây là chi phí ước tính </td> </tr> <tr> <td data-bbox="552 226 852 331"> 上課材料費 Material Fee Phí tài liệu lên lớp </td> <td data-bbox="852 226 1152 331"> 依實際課程需要收取 depends Dựa theo thực tế </td> <td data-bbox="1152 226 1482 331"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="552 331 852 432"> 生活費 Living Expenses Phí Sinh hoạt </td> <td data-bbox="852 331 1152 432"> NT\$ 10,000 / 月 (Month/ tháng) </td> <td data-bbox="1152 331 1482 432"> 此為預估花費 It is approximate expenses. Đây là chi phí ước tính </td> </tr> </table> <p data-bbox="576 454 1449 488">如未來學雜費、住宿費、其他費用有調整，依本校及相關規定辦理。</p> <p data-bbox="576 517 1406 622">If there are any adjustments to the tuition and miscellaneous fees, accommodation fees and other fees in the future, they will be handled according to Tungnan University and relevant regulations.</p> <p data-bbox="576 651 1485 719">Nếu trong tương lai có điều chỉnh mức phí (học phí, phí ký túc xá, phí khác) sẽ căn cứ theo qui định của trường và những qui định liên quan để thu phí.</p>			gói 此為預估花費 It is approximate expenses. Đây là chi phí ước tính	上課材料費 Material Fee Phí tài liệu lên lớp	依實際課程需要收取 depends Dựa theo thực tế		生活費 Living Expenses Phí Sinh hoạt	NT\$ 10,000 / 月 (Month/ tháng)	此為預估花費 It is approximate expenses. Đây là chi phí ước tính
		gói 此為預估花費 It is approximate expenses. Đây là chi phí ước tính									
上課材料費 Material Fee Phí tài liệu lên lớp	依實際課程需要收取 depends Dựa theo thực tế										
生活費 Living Expenses Phí Sinh hoạt	NT\$ 10,000 / 月 (Month/ tháng)	此為預估花費 It is approximate expenses. Đây là chi phí ước tính									
3	<p data-bbox="229 1335 469 1503">◆ 校內獎助學金 Scholarships Học bổng của trường</p>	<p data-bbox="517 759 1501 972">名稱：新南向產學合作國際專班獎助學金辦法 New Southbound International Students Industry-Academia Collaboration Program Scholarships Tên học bổng: Quy chế học bổng lớp chuyên ban vừa học vừa làm Tân Hướng Nam.</p> <p data-bbox="587 999 1477 1070">(一) 第一學年第一學期學雜費享有全額助學金，第一學年第二學期起至第四學年上學期學雜費均可分期繳交。</p> <p data-bbox="587 1115 1485 1256">Tuition and miscellaneous fees for the 1st semester of the 1st academic year are eligible for a reduction. Starting from the 2nd semester of the 1st academic year until the 1st semester of the 4th academic year, tuition and miscellaneous fees can be paid in installments.</p> <p data-bbox="576 1301 1501 1406">Năm 1 học kỳ 1 học phí được miễn giảm, từ năm 1 học kỳ 2 đến năm 4 học kỳ 1 (hay được hiểu là kỳ 2 đến kỳ 7) học phí được phép làm đơn xin phân kỳ đóng tiền.</p> <p data-bbox="587 1447 1501 1518">(二) 學業成績獎學金，每學期第一名新台幣5,000元，第二名新台幣3,000元，第三名新台幣2,000元。</p> <p data-bbox="576 1552 1453 1657">Academic performance scholarships are awarded every semester, with the 1st-place recipient receiving NT\$5,000, the 2nd-place recipient receiving NT\$3,000, and the 3rd-place recipient receiving NT\$2,000.</p> <p data-bbox="576 1697 1493 1769">Mỗi học kỳ nếu sinh viên đạt thành tích tốt trong học tập, hạng nhất lớp được 5,000 TWD, hạng nhì được 3,000 TWD, hạng ba được 2,000 TWD.</p> <p data-bbox="587 1809 1501 1962">(三) 華測成績獎學金，入學後通過華測每1級(A1-C2)補助獎學金新台幣3,000元，每1級限補助1次。自114年2月1日起入學之新生通過華測A1級與A2級無獎學金，通過B1級、B2級、C1級、C2級補助每1級獎學金新台幣3,000元，每一級限補助1次。</p> <p data-bbox="576 1995 1501 2101">TOCFL scholarship, students who pass each level (A1-C2) of the TOCFL will receive a scholarship of NT\$3,000 per level. The scholarship will be awarded only once per level. Students who have enrolled since February 1, 2025 and</p>									

have passed the A1 and A2 levels of the Chinese Test will not be eligible for scholarships. Those who pass Level B1, Level B2, Level C1, and Level C2 will receive a scholarship of NT\$3,000 per level. The scholarship will be awarded only once per level.

Sau khi sinh viên đến Đài Loan nhập học, nếu đăng ký thi kỳ thi năng lực hoa ngữ tiếng Trung TOCFL (A1-C2), thi đậu mỗi 1 cấp bậc sẽ được nhận học bổng 3,000 TWD, mỗi cấp bậc chỉ được nhận 1 lần. Đối với sinh viên mới nhập học từ ngày 01/02/2025 trở đi thông qua kỳ thi năng lực hoa ngữ cấp bậc A1 và A2 không được nhận học bổng, thông qua kỳ thi hoa ngữ cấp bậc B1, B2, C1, C2 mỗi cấp bậc được trợ cấp học bổng 3,000TWD, mỗi cấp bậc chỉ được nhận 1 lần.

(四)新南向國際學生產學合作專班學雜費皆依觀餐休閒與管理學院科系學雜費收費標準收費，工程與電資學院、創新設計學院科系學雜費之差額以助學金辦理之。

For the New Southbound International Student Industry-Academia Cooperation Program, tuition and miscellaneous fees will be charged according to the fee standards of the College of Tourism, Hospitality, Leisure and Management. Any difference in tuition and miscellaneous fees for programs in the College of Engineering, College of Innovation and Design will be covered by scholarships.

Học phí của các khoa ngành Học viện Công trình và Điện tử Thông tin , Học viện Thiết kế và Sáng tạo lớp chuyên ban vừa học vừa làm Tân Hướng Nam sẽ thu theo khoa ngành của Học viện Du Lịch Nhà Hàng Nghi Dưỡng và Quản Lý. Mức học phí chênh lệch được tính là học bổng.

(五)各學期修習系訂必修校外實習課程者，學校於當學期另獎助每位學生 20,000 元助學金，惟受領後未完成必修校外實習課程者，應於次學期開學前繳回本助學金 20,000 元。對於重補修完成系訂必修校外實習課程者，則不得受領取上開助學金。

Students who enroll in mandatory off-campus internship courses each semester will receive an additional NT\$20,000 scholarship per semester. However, if the mandatory off-campus internship course is not completed, the student must return the NT\$20,000 scholarship before the next semester begins. Students retaking or supplementing the required internship course are not eligible for this scholarship.

Sinh viên tham gia chương trình thực tập tín chỉ bắt buộc ngoài trường mỗi học kỳ sẽ được nhà trường cấp học bổng hỗ trợ 20,000 TWD. Tuy nhiên, nếu không hoàn thành chương trình thực tập tín chỉ bắt buộc, thì trước khi kỳ học tiếp theo bắt đầu sinh viên phải hoàn trả lại 20,000 TWD. Sinh viên học lại hoặc học bổ sung chương trình thực tập tín chỉ bắt buộc sẽ không đủ điều kiện nhận học bổng này.

(六)前述第一學年第一學期學雜費享有全額助學金必須完成系上訂定當學年規劃之兩學期必修校外實習課程，未完成者必須繳回全額助

學金，以校外實習替代課程完成必修校外實習課程者亦必須繳回全額助學金。

For the full scholarship covering tuition and fees for the first semester of the first academic year as mentioned above, students are required to complete the **two-semester compulsory off-campus internship program** as stipulated by the department for that academic year.

Failure to complete the requirement will result in **full repayment of the scholarship**.

Students who complete the compulsory off-campus internship requirement through substitute courses must also **repay the full scholarship**.

Đối với học bổng toàn phần học phí và lệ phí của học kỳ 1 năm học thứ nhất nêu trên, sinh viên bắt buộc phải hoàn thành **chương trình thực tập bắt buộc ngoài trường kéo dài hai học kỳ** theo kế hoạch do khoa quy định trong năm học đó.

Nếu không hoàn thành, sinh viên phải **hoàn trả toàn bộ học bổng**.

Trường hợp sử dụng các môn học thay thế thực tập ngoài trường để hoàn thành yêu cầu thực tập bắt buộc cũng **vẫn phải hoàn trả toàn bộ học bổng**.

獎助年限：自入學起該學制修業年限內。

Scholarship duration: Within the academic years of the enrolled program

Niên hạn khen thưởng: trong thời gian đào tạo trên hệ thống trường tính từ kỳ nhập học không quá 4 năm.

獎助限制 / Scholarship restrictions / Giới hạn khen thưởng：

(一)未領取本校任何其他獎助學金者。

The applicant must not have received any other scholarships from the university

Sinh viên chưa nhận được các học bổng khác của trường

(二)該班校外實習課程為必修課程時，學生必須完成校外實習課程始得領取學業成績獎學金，以替代校外實習課程(校內實習)完成校外實習課程學分者，學期成績不列入評比，不得領取學業成績獎學金。

Students must complete the required off-campus internship course to be eligible for the academic performance scholarship. For students who substitute the off-campus internship course with on-campus internships, their semester grades will not be considered for ranking, and they will not be eligible for the academic performance scholarship.

Sinh viên lớp có chương trình thực tập ngoài trường là môn học bắt buộc, sinh viên đó bắt buộc phải hoàn thành khóa học thực tập ngoài trường thì có thể nhận được học bổng khen thưởng thành tích học tập, những sinh viên nào hoàn thành học phần thực tập ngoài trường dựa theo chương trình học thay thế thực tập ngoài trường (thực tập trong trường) thì điểm thành tích học tập học kỳ không được đưa vào xét duyệt, không nhận được học bổng khen thưởng thành tích học tập.

(三)學期學業成績總分相同時，獎金均分，同時取代後續名次，依此類推。

In the event of a tie in the total semester grades, the scholarship amount

		<p>will be divided equally among the tied students, and their rankings will be determined accordingly.</p> <p>Điểm thành tích học tập nếu bằng nhau thì học bổng khen thưởng sẽ được chia đều, đồng thời thay thế cho thứ hạng tiếp theo đó</p> <p>獎助學金詳情請洽本校國際暨兩岸事務處辦公室或參閱本校國際暨兩岸事務處網頁獎助學金欄目。</p> <p>For details of scholarships and grants, please contact or visit the Office of International and Cross- Strait Affairs at TNU or refer to the column of scholarships and grants on the website of the Office of International and Cross- Strait Affairs of TNU.</p> <p>Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ văn phòng phòng Hợp Tác Quốc Tế và Hai Bờ Eo Biển hoặc lên trang web của trường vào trang thông tin của phòng Hợp Tác Quốc Tế và Hai Bờ Eo Biển mục học bổng để tham khảo thêm.</p>
4	<p>◆ 畢業門檻</p> <p>Graduation threshold</p> <p>Điều kiện công nhận tốt nghiệp</p>	<p>➤ 至少修滿128學分以上(其中含校外實習必修、校外實習選修、服務教育、必修選修等課程)。依各系所要求之畢業門檻</p> <p>Students must complete at least 128 credits or more (including required credits for off-campus internships, elective credits for off-campus internships, service education, and other required and elective courses), as specified by the required credit table of their respective departments. Students must meet the graduation requirements set by their respective departments.</p> <p>Sinh viên phải tích lũy và đạt đủ ít nhất 128 học phần trở lên (trong đó gồm học phần bắt buộc thực tập tại doanh nghiệp, học phần tự chọn thực tập tại doanh nghiệp, giáo dục lao động và những học phần bắt buộc, học phần tự chọn khác vv...). Mỗi khoa ngành sẽ có khung chương trình chuyên ngành khác nhau, sinh viên thuộc khoa ngành nào phải đáp ứng điều kiện công nhận tốt nghiệp của khoa ngành đó.</p>
5	<p>◆ 休退學相關規定</p> <p>Regulations on suspension and withdrawal from school</p> <p>Qui định liên quan về việc bị buộc thôi học</p>	<p>➤ 退學事宜依本校學則、學生獎懲辦法規定辦理。</p> <p>Matters related to dropping out of school will be handled in accordance with the regulations of the Tungnan university's academic regulations and student rewards and punishments.</p> <p>Căn cứ vào Quy Chế Học Vụ, Qui Định Khen Thưởng Kỷ Luật Sinh Viên của nhà trường giải quyết các vấn đề buộc thôi học của sinh viên.</p> <p>第 11 條、學生有下列情事之一者，應予退學： Article 11: Students shall be dismissed from the university if any of the following situations occur: Điều 11 Sinh viên có những hành vi dưới đây sẽ bị kỷ luật ở mức buộc thôi học:</p> <p>一、違犯第 10 條第二款以下規定情節較重者。 A. Violated the provisions of Article 10, paragraph 2, and the circumstances are more severe. a. Vi phạm điều 10 khoản b,c,d,e,f,g,h,i nhưng ở mức độ nghiêm trọng</p> <p>二、在校內結幫結派或與校外不良幫派勾結者。 B. Those who form gangs or collaborate with external criminal gangs within the school.</p>

		<p>b. Thành lập băng đảng trong trường hoặc liên kết với đối tượng xấu ở ngoài trường thành lập băng đảng</p> <p>三、在校內外聚眾鬥毆之首謀或幕後主使者。</p> <p>C. Those who organize or instigate group fights within or outside the school.</p> <p>c. Chỉ huy hoặc lãnh đạo băng nhóm đánh nhau trong và ngoài trường.</p> <p>四、邀集校外人士毆打本校學生或帶領校外人士侵入校園，有影響學生安全之虞者。</p> <p>D. Invite outsiders to assault the students of the school or lead outsiders to invade the campus, which may endanger student safety.</p> <p>d. Lôi kéo người ngoài đánh đập sinh viên trong trường hoặc dẫn dắt người ngoài đột nhập vào trường đe dọa đến sự an nguy an toàn của người khác.</p> <p>五、操行成績不滿六十分，經學生獎懲委員會議議決退學者。</p> <p>E. Students who fail to maintain a conduct grade of at least 60 points will be subject to expulsion, as determined by the Student Rewards and Disciplinary Committee.</p> <p>e. Hạnh kiểm học tập dưới 60 điểm, sau khi hội đồng khen thưởng kỷ luật sinh viên hội họp ra quyết định buộc thôi học.</p> <p>六、定期察看後處分累計達小過一次以上者。</p> <p>F. For students who have accumulated minor offenses more than once after regular inspections.</p> <p>f. Sau khi bị theo dõi định kỳ, có vi phạm sai phạm nhỏ 1 lần trở lên.</p> <p>七、定期察看之當學期期末操行成績不滿六十分者。</p> <p>G. A student who receives a grade of less than 60 in conduct at the end of the current semester's regular review.</p> <p>g. Sau khi bị theo dõi định kỳ, hạnh kiểm học tập trong học kỳ đó chưa đạt 60 điểm.</p> <p>八、所受處分功過相抵滿三大過者。</p> <p>H. A student who has received disciplinary action and has an equal or greater number of commendations can have the disciplinary action cancelled if the total number of commendations and disciplinary actions reaches three major disciplinary actions.</p> <p>h. Sau khi cân trừ công lao, vi phạm vẫn đạt mức 3 sai phạm lớn.</p> <p>九、轉介、販賣、持有或施用第 1、2 級違禁藥品或販賣第 3、4 級違禁藥品者（違反毒品危害防制條例）。</p> <p>I. Those who refer, sell, possess, or use illegal drugs of Class 1 or 2, or sell illegal drugs of Class 3 or 4 (in violation of the Narcotics Hazard Prevention Act).</p> <p>i. Tiếp tay, buôn bán, sở hữu hoặc sử dụng thuốc cấm cấp độ 1,2 hoặc buôn bán thuốc cấm cấp độ 3,4 (vi phạm qui định điều khoản phòng chống chất độc, chất gây nghiện).</p> <p>十、所犯案件經法院判決確定須入監服刑者。</p> <p>J. Offenders who have been sentenced to imprisonment by a court of law.</p> <p>j. Gây án bị tòa án phán xét xử phạt tù.</p> <p>十一、侮辱、要脅或諷刺師長，情節重大者。</p>
--	--	--

		<p>K. Insulting, threatening, or mocking teachers or administrators, with severe circumstances. k. Lãng mạ, uy hiếp hoặc mỉa mai thầy cô giáo (sự việc ở mức độ nghiêm trọng).</p> <p>十二、曠課滿 45 節課經輔導改善無效者。 L. Absence from class for 45 periods and no improvement after counseling. l. Trốn học trên 45 tiết, thầy cô giáo đã nhắc nhở phụ đạo nhưng vẫn tái phạm.</p> <p>十三、有性侵害之行為，情節嚴重者。 M. Engaging in sexual assault or harassment with severe circumstances. m. Có hành vi xâm phạm tình dục (sự việc ở mức độ nghiêm trọng).</p> <p>十四、其他相當於以上各款情事者。 N. Other situations equivalent to the above provisions. n. Những việc sai phạm khác có mức độ tương đương như trên.</p> <p>如擬辦理休退學，請先洽本校國際暨兩岸事務處辦公室諮詢相關程序。 If you intend to apply for leave of absence or withdrawal, please contact the Office of International and Cross-Strait Affairs at our university for consultation on the relevant procedures.</p> <p>Mọi thắc mắc liên quan đến việc tạm ngưng học tập và buộc thôi học vui lòng liên hệ phòng Hợp Tác Quốc Tế và Hai Bờ Eo Biển để được tư vấn thêm.</p> <p>➤ 外國學生休學或退學，學校應即通報外交部領事事務局及學校所在地之內政部移民署服務站，移民署將註銷外僑居留證，學生應於10日內出境。(外國學生來臺就學辦法第24條、入出國及移民法第31條及36條規定)</p> <p>Foreign students who take a leave of absence or withdraw from school shall report to the Office of International Affairs of the university to inquire about the relevant procedures. In addition, the university shall immediately report to the Consular Affairs Bureau of the Ministry of Foreign Affairs and the Immigration Service Station of the Ministry of the Interior at the location area of the university. The Immigration Service Station will cancel the alien resident permit, and the student should leave the country within 10 days. (Article 24 of the Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan, Articles 31 and 36 of the Immigration Act)</p> <p>Khi sinh viên tạm ngưng học tập hoặc bị buộc thôi học, nhà trường có trách nhiệm thông báo cho Bộ Ngoại Giao và Sở Di Dân, Sở Di Dân sẽ xóa bỏ hiệu lực thẻ cư trú của sinh viên, sinh viên trong vòng 10 ngày phải xuất cảnh khỏi Đài Loan. (Căn cứ theo điều 24 Quy chế quản lý sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan, điều 31 và điều 36 Luật di dân và xuất nhập cảnh).</p> <p>➤ 外國學生就學期間在臺設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍者，喪失外國學生身分，應予退學處分。(外國學生來臺就學辦法第12條)。</p> <p>Foreign student who register for household registration in Taiwan, transfer their household registration to Taiwan, naturalize, or restore their Republic of China nationality during their studies will lose their</p>
--	--	---

		<p>status as foreign students and shall be expelled from school. (Article 12 of the Regulations for International Students Undertaking Studies in Taiwan)</p> <p>Sinh viên quốc tế trong thời gian học tập tại Đài Loan, nếu đăng ký hộ tịch, thay đổi hộ tịch, nhập tịch hoặc lấy lại quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), sẽ bị hủy bỏ tư cách sinh viên nước ngoài, và bị buộc cho thôi học (Căn cứ theo điều 12 Quy chế quản lý sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan).</p> <p>➤ 考量本學程為客製化專班及課程銜接相關事宜，經註冊入學本學程專班，不得辦理休學或轉學至他校就讀。</p> <p>Considering that this program is a customized program and related to course continuity, after registering for enrollment in this program, students are not allowed to take a leave of absence or transfer to another school for study.</p> <p>Vì chương trình này được thiết kế đặc biệt theo lớp chuyên ban và xem xét vấn đề tiếp nối chương trình nên một khi hoàn tất thủ tục nhập học của chương trình này, sẽ không được phép tạm ngưng việc học hay chuyển sang trường khác học.</p>
6	<p>◆ 意見反映管道 Opinion Ý kiến phản hồi</p>	<p>➤ 校內管道 Campus channel Trong trường</p> <p>請洽國際事務處辦公室或撥打 02-8662-5949 Please contact the Office of International Affairs or dial 02-8662-5949 Vui lòng liên hệ phòng Hợp Tác Quốc Tế hoặc gọi điện 02-8662-5949</p> <p>➤ 校外管道 External channel Ngoài trường</p> <p>1. 境外學生諮詢平臺：www.nisa.moe.gov.tw Platform for consultation for overseas student: www.nisa.moe.gov.tw Trang thông tin tư vấn dành cho sinh viên Quốc Tế: www.nisa.moe.gov.tw</p> <p>2. 專線電話 0800-789-007 (中、英、印尼及越南語) Hotline: 0800-789-007 (Chinese, English, Indonesian, Vietnamese) Hotline: 0800-789-007 (có tiếng trung, tiếng anh, tiếng Indonesia và tiếng việt)</p>
7	<p>◆ 打工重要規定 Regulations for part-time work Quy định quan trọng về việc đi làm thêm</p>	<p>➤ 外國學生打工應申請工作許可證，工作時間除寒暑假外，每星期最長為20小時。(就業服務法第43條及第50條)</p> <p>Foreign students should apply for a work permit in order to work. The maximum work hours per week, except during summer and winter vacations, is 20 hours. (Article 43 and 50 of the Employment Service Act)</p> <p>Sinh viên Quốc Tế phải xin được thẻ đi làm mới được phép đi làm thêm, sinh viên Quốc Tế đi làm thêm mỗi tuần không được vượt quá 20 tiếng, tuy</p>

		<p>nhiên thời gian nghỉ hè và nghỉ đông không giới hạn (căn cứ theo điều 43 và điều 50 luật việc làm)</p> <p>➤ 未經許可在臺工作，應處新臺幣3萬元以上15萬元以下罰鍰，並即令其出國，不得再於我國境內工作；屆期不出國者，入出國管理機關得強制出國，於未出國前，入出國管理機關得收容之。(就業服務法第68條第1項、第3項及第4項規定)</p> <p>Foreign students those who work in Taiwan without permission shall be subject to a fine of at least NT\$30,000 but not more than NT\$150,000 and shall be ordered to leave the country. They shall not be allowed to work in Taiwan again. If they fail to leave the country within the specified period, the immigration authority may force them to leave the country and may detain them before their departure (Article 68, Paragraphs 1, 3, and 4 of the Employment Service Act).</p> <p>Trường hợp đi làm khi chưa được cấp phép sẽ bị phạt 30.000 – 150.000 TWD, không được phép tiếp tục làm việc tại Đài Loan và bị trục xuất cảnh ngay lập tức, nếu người vi phạm không xuất cảnh, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có quyền cưỡng chế xuất cảnh, trong khoảng thời gian làm thủ tục chờ xuất cảnh, người vi phạm sẽ bị cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tạm giam giữ. (căn cứ theo điều 68 khoản 1, khoản 3 và khoản 4 luật việc làm)</p> <p>➤ 另外如涉在臺非法工作，依本校學生獎懲規定，視情節予以處分。</p> <p>In addition, if any illegal work is involved in Taiwan, the student will be subject to punishment according to our school's rules and regulations for student rewards and punishments, depending on the severity of the situation.</p> <p>Ngoài ra nếu sinh viên đi làm bất hợp pháp tại Đài Loan, sẽ căn cứ vào Quy Định Khen Thưởng Kỷ Luật Sinh Viên của trường xét mức vi phạm nặng nhẹ để xử phạt.</p>
8	<p>◆ 其他注意事項</p> <p>Other application considerations</p> <p>Những điều cần lưu ý khác</p>	<p>➤ 學生必須於2027/8/31前補交台辦驗證之正式高中畢業證書，否則學校將逕行退學處分，學生須離境返國。</p> <p>Students must submit the official high school graduation certificate with notarization before August 31, 2027. Otherwise, the school will take the action of dismissal, and students must leave the country.</p> <p>Học sinh bắt buộc trước ngày 31/8/2027 phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp THPT chính thức đã được Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam chứng thực hồ sơ (có dán tem xanh) cho nhà trường, nếu không học sinh sẽ bị buộc thôi học và xuất cảnh về nước.</p> <p>➤ 學生必須於一年級第2學期結束前，通過華語文能力測驗 TOCFL Level A2，否則學校將逕行退學處分，學生須離境返國。</p> <p>The student must reach Level A2 of the Test of Chinese as a Foreign Language (TOCFL) before the end of the second semester of the first year. Otherwise, the school will take the action of expulsion and the student will be required to leave the country.</p> <p>Học sinh bắt buộc trước khi kết thúc học kỳ 2 của năm nhất phải đạt được thành tích tiếng trung TOCFL Level A2, nếu không học sinh sẽ bị buộc</p>

thôi học và xuất cảnh về nước.

- **學生曾就讀國際專修部因故退學者，不得再申請就讀新南向產學合作國際專班及國際專修部。**

Those who have previously enrolled in the International Foundation Program (1+4 Program) but withdrew for any reason are not allowed to reapply for admission to the New Southbound Industry-Academia Collaboration International Program or the International Foundation Program (1+4 Program).

Học sinh đã từng theo học chương trình Đào Tạo Quốc Tế Dự Bị Đại Học hệ 1+4 trước đây mà thôi học hoặc bị buộc cho thôi học, đều không được phép đăng ký theo học chương trình chuyên ban vừa học vừa làm Tân Hướng Nam và chương trình Đào Tạo Quốc Tế Dự Bị Đại Học hệ 1+4.

- **本校並未與任何個人、團體、機構合作代辦招生入學事宜，學生若請當地服務機構申辦入境手續（包含簽證、文件公證、體檢、機票等事宜），價格不應高於 2000 美金，請自行審慎評估，若有任何糾紛與本校無關。**

This university does not authorize any individuals, organizations or institutes as its agents. The price for students, who ask a local agent to acquire a visa (including visa fee, authentication, physical check-up and air ticket), should not be over US\$2,000, and the university is not responsible for any disputes evolved.

Trường chúng tôi không hợp tác với bất kỳ cá nhân, cơ quan, đại lí, trung tâm du học, để tuyển sinh và làm các thủ tục báo danh nhập học liên quan, học sinh nếu thông qua các cá nhân, cơ quan, đại lí, trung tâm du học làm thủ tục nhập cảnh Đài Loan (gồm Visa, công chứng giấy tờ, khám sức khỏe, vé máy bay, v.v...) chi phí kiến nghị không vượt quá 2000 USD, vui lòng tìm hiểu thông tin và xem xét cẩn thận, nếu có bất kỳ tranh chấp nào đều không liên quan đến trường chúng tôi.

- **依教育部規定，凡曾經入學學校以操行、學業成績不及格、違反法令或校規情節嚴重致遭退學或喪失學籍者，不得再向本校申請入學。**

If an educational institution in Taiwan where an international student was studying considers that their conduct or academic performance was unsatisfactory, or if the student seriously violated any ordinances or the regulations of the educational institution and the circumstances were serious and as a result, in accordance with the provisions of its regulations governing student awards and penalties had to discontinue their studies or forfeited their status as a registered student, the student is not permitted to re-apply to study in Taiwan.

Theo quy định của Bộ Giáo dục Đài Loan, những người đã từng nhập học tại Đài Loan mà bị nhà trường buộc cho thôi học vì hạnh kiểm hay thành tích học tập không đạt yêu cầu hoặc vi phạm pháp luật hay nghiêm trọng vi phạm nội quy của trường, đều không được phép báo danh nhập học.

- **已報名或錄取之學生，如經發現申請資格不符規定或所繳交之文件有變造、偽造、假借、冒用等不實情事者，未入學者即取消錄取資格；已入學者開除學籍，亦不發給任何學歷證明；如將來在本校畢業後始發現者，除**

		<p>勒令撤銷其畢業資格外，並註銷其學位證書。</p> <p>An international student who is found their enrollment eligibility that does not comply with the regulations of MOE or submits any certificate or document as part of their application for admission to an educational institution that is found to be forged, fabricated, or that has been altered in some way shall have their enrollment eligibility revoked. If the student has already registered and begun classes, their registration as a current student shall be cancelled and they will not be awarded any certification whatsoever regarding their related academic undertakings. If any such circumstances are first discovered after a student has already graduated, the educational institution shall revoke the former student's eligibility to graduate and shall require any degree already awarded to be returned and shall rescind it.</p> <p>Sinh viên đã báo danh hoặc đã có giấy báo nhập học, nếu bị phát hiện tư cách nhập học không phù hợp với quy định của Bộ giáo dục Đài Loan hoặc hồ sơ bằng cấp bằng điểm có yếu tố không trung thực, giả mạo, mượn bằng, mạo danh .v.v..... lập tức hủy bỏ tư cách nhập học đối với người chưa nhập học; buộc cho thôi học và không cấp phát bất cứ giấy chứng nhận học tập nào đối với người đã nhập học; hủy bỏ tư cách tốt nghiệp và hủy chứng nhận bằng tốt nghiệp đối với những người sau khi tốt nghiệp mới bị phát hiện.</p> <p>➤ 外國學生留臺期間應遵守中華民國法律及本校各項規定，若有違反且情節重大，本校得予以勒令退學處分。</p> <p>Foreign students during stay in Taiwan should abide by the laws of the ROC and the regulations of the school. If there is a violation and the issue is serious, may ordered to withdraw from school.</p> <p>Sinh viên nước ngoài trong thời gian học tập ở Đài Loan phải tuân thủ luật pháp của Đài Loan và các quy định của trường. Nếu có bất kỳ vi phạm nào nghiêm trọng, trường có thể buộc thôi học bạn.</p>
--	--	---

9	<p>◆ 最晚抵台期限</p> <p>The latest arrival deadline in Taiwan</p> <p>Thời hạn nhập cảnh Đài Loan</p>	<p>➤ 經取得簽證，學生務必於115年10月23日前抵台辦理註冊手續否則無法於本學期入學。</p> <p>Students who have obtained their visa must complete the registration process and arrive in Taiwan before October 23, 2026. Failure to do so will result in the inability to enroll in the current semester.</p> <p>Sau khi được cấp thị thực visa, sinh viên phải nhập cảnh đài loan trước ngày 23/10/2026 để hoàn thành thủ tục nhập học, nếu quá thời hạn qui định sẽ không được nhập học trong kỳ này.</p> <p>➤ 自入境台灣30日內必須向內政部移民署服務站申請外僑居留證。未依規定申請者，處新臺幣一萬元至五萬元罰鍰。</p> <p>Apply for an Alien Resident Certificate(ARC) at the service station of the Immigration Department of the Ministry of Internal Affairs within 30 days after entering Taiwan. Those who fail to apply in accordance with the regulations will be fined NT\$10,000 to NT\$50,000.</p> <p>Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh Đài Loan, phải đến Bộ Nội Chính Sở Di Dân để đổi visa cư trú sang thẻ cư trú. Nếu quá hạn chưa làm thủ tục đổi thẻ sẽ bị phạt từ 10.000 – 50.000 TWD.</p>
---	---	---

本須知共 13 頁一式 2 份，由學校、學生各執 1 份。

The notes are in 13 pages and there are 2 copies, one for the school and one for the student.

Bản qui định này được lập thành 2 bản tổng cộng 13 trang, sinh viên và nhà trường mỗi bên giữ 1 bản.

本人已閱讀、瞭解並且同意以上規定：

I have read, understood, and agreed to the above regulations.

Tôi cam kết đã đọc kỹ hiểu rõ và đồng ý với những điều trên

學生姓名

護照號碼

Student's name

Student's passport

Họ tên sinh viên _____

Số hộ chiếu _____

(ghi tên trong hộ chiếu)

學生簽名

日期

Signature

Date of signing

Sinh viên ký tên _____

Ngày _____